

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai dự toán năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 2026-2028;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây viết tắt là Thông tư số 61).

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân đặc khu Kiên Hải về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu Kiên Hải về phân bổ nguồn chi đặc thù, nguồn chi khác năm 2026;

Xét Tờ trình số 01/Tr-PTCKH ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Phòng Kinh tế về việc công bố, công khai dự toán năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026, (theo biểu đính kèm).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU KIÊN HẢI**

Số: 1170/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Hải, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU KIÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu Kiên Hải về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu Kiên Hải về phân bổ nguồn chi đặc thù, nguồn chi khác năm 2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Kinh tế tại Tờ trình số 262b/TTr-PKT ngày 24 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị đặc khu Kiên Hải.

(Chi liệt theo biểu 01, 02, 03 và các biểu 06 đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi NSNN và dự toán được phân bổ giao tại Điều 1 Quyết định này; Các cơ quan, đơn vị thực hiện dự toán quản lý thu, chi đúng theo quy định, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách, cụ thể như sau:

1. Thực hiện nghiêm pháp luật về thu, tập trung thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý thu ngân sách Nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tạo nền tảng để thực hiện tăng thu NSNN bền vững.

2. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác kết nối, khai thác, chống thất thu thuế, thu hồi nợ thuế; tập trung quản lý đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, thuế thu nhập cá nhân của cá nhân có nhiều nguồn thu nhập. Kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, điện tử hóa, kết nối đồng bộ cơ sở thông tin dữ liệu ngành thuế với hệ thống dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước khác để tăng cường hiệu quả quản lý nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

3. Trường hợp thu ngân sách địa phương dự kiến giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, phải chủ động sử dụng các nguồn lực theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để xử lý cân đối ngân sách địa phương; trường hợp sau khi sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp không bảo đảm bù đắp số giảm thu, phải thực hiện sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi đã bố trí dự toán năm 2026 sang năm sau.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách địa phương, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bố trí đủ nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo đảm các nhiệm vụ về chính trị, quốc phòng, an ninh, các nhiệm vụ quan trọng thiết yếu. Triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết; quản lý, sử dụng dự phòng ngân sách địa phương theo Luật ngân sách nhà nước.

5. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định: Trong dự toán ngân sách năm 2026 thực hiện tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2026 theo quy định từ tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, các khoản được loại trừ khi tính tăng thu dành để thực hiện cải cách tiền lương); dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2025 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2026 và sử dụng một phần nguồn thu của các cơ quan, đơn vị, sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định số 111/2025/NĐ-CP.

Đồng thời, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài thực hiện tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương như quy định) khi phân bổ dự toán chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội.

6. Thực hiện tốt chủ trương mục tiêu về nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động các đơn vị SNCL theo chủ trương của Đảng, Nhà nước sau sắp xếp, phân đầu tăng số lượng đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.

7. Tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính kết hợp với chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện; thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch trong quản lý tài chính ngân sách theo đúng Luật ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND đặc khu, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng Thuế cơ sở 1 tỉnh An Giang, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XX và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Qual*

Nơi nhận: *gthc*

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND đặc khu
- Lưu: VT, pkt.

CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐẶC KHU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	201.677.000	Tổng số chi	201.677.000
I. Các khoản thu hưởng 100%	2.700.000	I. Chi đầu tư	892.000
- Phí môn bài và lệ phí	300.000	II. Chi thường xuyên	196.849.000
- Thu khác (thu phạt + thu khác)	400.000	- Chi sự nghiệp kinh tế	10.000.000
- Lệ phí trước bạ	2.000.000	- Chi các ĐV sự nghiệp thuộc U	1.401.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	6.292.000	- Chi trợ giá, trợ cước	50.000.000
- Thuế VAT	4.800.000	- Chi sự nghiệp môi trường	5.500.000
- Thuế TNDN	600.000	- Sự nghiệp giáo dục đào tạo	64.269.000
- Thu tiền SDD	892.000	- Sự nghiệp văn hóa thông tin	2.059.000
III. Thu bổ sung ngân sách cấp tr	166.887.000	- Sự nghiệp thể dục thể thao	300.000
- Thu bổ sung cân đối ngân sách	165.927.000	- Sự nghiệp phát thanh truyền hì	350.000
- Thu bổ sung mục tiêu	960.000	- Chi đảm bảo xã hội	4.190.000
IV Thu CCTL (cân đối)	25.798.000	- Chi quản lý hành chính	42.417.000
		- Chi an ninh quốc phòng	7.220.000
		- Chi khác	2.780.000
		- Chi hoạt động không chuyên trá	6.036.000
		- Chi hoạt động của chi hội thuộc	130.000
		- Chi hỗ trợ bằng cấp chuyên môn	197.000
		III. Chi Dự phòng	3.936.000

Bộ phận tài chính, kế toán



Đặng Ngọc Diệp

Kiên Hải, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH



Châu Hưng Kỳ

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐẶC KHU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSĐK	Thu NSNN	Thu NSĐK	Thu NSNN	Thu NSĐK
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	23.500.000	401.998.295	12.700.000	201.677.000	54,04%	50,17%
I	Các khoản thu 100%	3.490.000	2.830.000	3.000.000	2.700.000	85,96%	95,41%
1	Phí , lệ phí, môn bài	1.000.000	440.000	500.000	300.000	50,00%	68,18%
2	Thu khác	490.000	390.000	500.000	400.000	102,04%	102,56%
3	Lệ phí trước bạ	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	100,00%	100,00%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	20.010.000	6.200.000	9.700.000	6.292.000	48,48%	101,48%
4	Thuế VAT	4.940.000	4.750.000	5.000.000	4.800.000	101,21%	101,05%
	- VAT (DNĐP)	190.000		200.000		105,26%	
	- VAT	4.750.000	4.750.000	4.800.000	4.800.000	101,05%	101,05%
5	Thuế TNDN	550.000	550.000	600.000	600.000	109,09%	109,09%
6	Thuế tài nguyên	570.000		300.000		52,63%	
7	Thuế TNCN	2.240.000		2.300.000		102,68%	
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	9.800.000					
9	Thu tiền sử dụng đất	1.800.000	900.000	1.500.000	892.000	83,33%	99,11%

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSĐK	Thu NSNN	Thu NSĐK	Thu NSNN	Thu NSĐK
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
10	Thu tiền sử dụng khu vực biển	20.000					
11	Thu phạt ATGT	90.000					
III	Thu chuyển nguồn		73.454.416				
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước		495.434				
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	293.225.445	-	192.685.000		65,71%
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách		211.100.000		165.927.000		78,60%
	- Thu bổ sung mục tiêu	-	82.125.445	-	960.000		0,01
	+ <i>Bổ sung mục tiêu thường xuyên</i>		82.125.445		960.000		0,01
	- Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương				25.798.000		
VI	Nguồn cải các tiền lương		25.793.000				-

Bộ phận tài chính, kế toán



Đặng Ngọc Diệp

Kiên Hải, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Số TT	Nội Dung Chi	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh %		
		Tổng số	ĐTPT sau khi điều chỉnh	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
	Tổng Chi	247.332.000	900.000	246.432.000	201.677.000	892.000	200.785.000	81,54%	99,11%	81,48%
A	Các khoản chi cân đối qua nsnn	247.332.000	900.000	246.432.000	201.677.000	892.000	200.785.000	81,54%	99,11%	81,48%
I	Chi đầu tư phát triển	900.000	900.000	-	892.000	892.000	-	99,11%	99,11%	
	- Vốn 70% thu tiền SĐĐ	900.000	900.000		892.000	892.000		99,11%	99,11%	
II	Chi thường xuyên	241.630.000	-	241.630.000	196.849.000	-	196.849.000	81,47%		81,47%
01	Sự nghiệp kinh tế	14.803.000	-	14.803.000	10.000.000		10.000.000	67,55%		67,55%
	- Sự nghiệp thị chính	600.000		600.000	600.000		600.000	100,00%		100,00%
	- Sự nghiệp kinh tế chi khác	880.000		880.000	880.000		880.000	100,00%		100,00%
	- Lễ hội nghinh ông	100.000		100.000	100.000		100.000	100,00%		100,00%
	- Tiền đầu đưa rước cán bộ	300.000		300.000	300.000		300.000	100,00%		100,00%
	- Chi SN nông lâm thủy lợi	120.000		120.000	120.000		120.000	100,00%		100,00%
	- Chi xử phạt ANTT, QLĐT	248.000		248.000	-		-			-
	- Chi sự nghiệp giao thông	4.355.000		4.355.000	2.000.000		2.000.000	45,92%		45,92%
	- Nâng cấp đô thị (duy tu, bảo dưỡng vỉa hè công viên: hệ thống đèn chiếu sáng)	8.000.000		8.000.000	6.000.000		6.000.000	75,00%		75,00%
	- Chi ATGT	200.000		200.000	-		-			-

Số TT	Nội Dung Chi	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh %		
		Tổng số	ĐTPT sau khi điều chỉnh	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7	8-5/2	9-6/3	10-7/4
02	- Sự nghiệp kinh tế khác	11.107.000		11.107.000	-					
03	Chi trợ giá, trợ cước	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	100,00%		100,00%
04	Chi sự nghiệp môi trường	4.000.000		4.000.000	5.500.000		5.500.000	137,50%		137,50%
05	Sự nghiệp giáo dục đào tạo và đào tạo	62.434.000	-	62.434.000	64.269.000		64.269.000	102,94%		102,94%
07	Sự nghiệp văn hóa thông tin	2.142.000		2.142.000	2.059.000		2.059.000	96,13%		96,13%
08	Sự nghiệp thể dục thể thao	189.000		189.000	300.000		300.000	158,73%		158,73%
09	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	281.000		281.000	350.000		350.000	124,56%		124,56%
10	Chi đảm bảo xã hội	3.900.000	-	3.900.000	4.190.000		4.190.000	107,44%		107,44%
11	Chi quản lý hành chính	83.923.360		83.923.360	42.417.000	-	42.417.000	50,54%		50,54%
	+ Quản lý nhà nước	49.686.643		49.686.643	19.404.000		19.404.000	39,05%		39,05%
	+ Đảng	11.111.864		11.111.864	7.360.000		7.360.000	66,24%		66,24%
	+ Đoàn thể	6.242.725		6.242.725	6.345.000		6.345.000	101,64%		101,64%
	+ Sự nghiệp khác (CTD, HNCT, NM)	2.201.935		2.201.935	-		-			
	+ Ilợp đồng ND 68 và ND 161	1.573.322		1.573.322	-		-			
	+ ĐB HĐND tỉnh	15.000		15.000	-		-			
	+ Đặc thù ngân sách huyện (hệ TT, MSSS)	3.500.000		3.500.000	4.000.000		4.000.000	114,29%		114,29%
	+ Kinh phí tổ chức đại hội Đảng	3.389.000		3.389.000	-		-			
	+ Đại hội TDTT huyện, xã	210.000		210.000	-		-			
	+ 10% tiền thưởng	1.503.000		1.503.000	-		-			

Số TT	Nội Dung Chi	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh %		
		Tổng số	ĐTPT sau khi điều chỉnh	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
	+ Sinh hoạt phí ĐB HĐND	303.264		303.264	910.000		910.000	300,07%		300,07%
	+ PC BCH Đảng bộ	763.776		763.776	935.000		935.000	122,42%		122,42%
	+ PC BCV	162.864		162.864	163.000		163.000	100,08%		100,08%
	+ Kinh phí sửa chữa, cải tạo các trụ sở	-			1.300.000		1.300.000			
	+ Chi sửa chữa trụ sở, mua sắm	-			2.000.000		2.000.000			
12	Chi an ninh quốc phòng	6.523.569	-	6.523.569	7.220.000	-	7.220.000	110,68%		110,68%
	+ Chi an ninh trật tự và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở	1.469.805		1.469.805	1.673.000		1.673.000	113,82%		113,82%
	+ Chi quốc phòng	5.053.764		5.053.764	5.547.000		5.547.000	109,76%		109,76%
13	Chi khác	2.327.071	-	2.327.071	2.780.000	-	2.780.000	119,46%		119,46%
	+ Chi khen thưởng (1% QLHC)	794.071		794.071	1.853.000		1.853.000	233,35%		233,35%
	+ Chi khác (0,5% TCTX)	766.500		766.500	927.000		927.000	120,94%		120,94%
	+ Chi mua sắm (0,5TCTX)	766.500		766.500	-		-			
14	Chi các ĐV SN công lập thuộc UBND	-			1.401.000		1.401.000			
15	Người hoạt động KCT	-			6.036.000	-	6.036.000			
	Cấp xã	-			877.000		877.000			
	Ấp	-			5.159.000		5.159.000			
16	Hỗ trợ bằng cấp chuyên môn	-			197.000		197.000			
17	Hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - XH áp theo NQ 10/2024/NQ-HĐND	-			130.000		130.000			

Số TT	Nội Dung Chi	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh %		
		Tổng số	ĐTPT sau khi điều chỉnh	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
III	Dự phòng 2%	4.802.000		4.802.000	3.936.000		3.936.000	81,97%		81,97%

Bộ phận tài chính, kế toán



Đặng Ngọc Diệp

Kiên Hải, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026						Ghi chú
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm	Chi theo nguồn vốn				
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn đóng góp	
1	2	3	4	5	6	7	8=10+11+12+13	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng		10.892.000	-	-	-	10.892.000	-	3.000.000	7.000.000	892.000	-	
	Công trình khởi công mới		10.892.000	-	-	-	10.892.000	-	3.000.000	7.000.000	892.000	-	
01	Sửa chữa Trạm liên lạc Đảng ủy Kiên Hải	26-28	1.500.000				1.500.000		1.500.000				
02	Sửa chữa Đảng ủy đặc khu Kiên Hải	26-28	1.500.000				1.500.000		1.500.000				
03	Mua sắm lò đốt rác trên đảo Hòn Ngang (Nam Du)	26-28	3.500.000				3.500.000			3.500.000			
04	Sửa chữa Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Du (điểm lẻ Hòn Mấu)	26-28	3.500.000				3.500.000			3.500.000			
05	Nâng cấp cải tạo đường GTNT trên đảo Lại Sơn	26-28	892.000				892.000				892.000		

Bộ phận tài chính, kế toán



Đặng Ngọc Diệp

Kiên Hải, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU
CHỦ TỊCH




Châu Hùng Kỳ

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Mặt trận tổ quốc Việt Nam Đặc khu

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
820	340		Tổng cộng	5.707.441	
		361	Tiền lương (nguồn 13)	2.834.713	
		361	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	1.617.118	
		361	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	900.000	
		361	Kinh phí đặc thù (nguồn 12)	220.000	
		361	Kinh phí đại hội sinh viên (nguồn 12)	32.610	
		361	Hội trại tổng quân (nguồn 12)	25.000	
		361	Chi ngày Đại đoàn kết (nguồn 12)	78.000	6tr/áp/năm

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 5.707.441 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Năm tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp



Châu Hùng Kỳ

* Ghi chú:

(1). Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thanh

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
821			Tổng cộng	2.188.989	
	160		Sự nghiệp văn hóa	1.603.989	
		161	Tiền lương (nguồn 13)	550.472	
		161	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	314.027	
		161	Tiền lương 111/2022/NĐ-CP (nguồn 13)	187.490	
		161	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	312.000	
		161	Kinh phí SN Văn hóa (nguồn 12)	240.000	
	190		Sự nghiệp phát thanh	315.000	
		191	Kinh phí SNPT (nguồn 12)	280.000	
	220		Sự nghiệp thể thao	270.000	
		221	Kinh phí SNTDTT (nguồn 12)	240.000	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 2.188.989 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Hai tỷ một trăm tám mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú:

(1). Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Ban điều hành Nhà máy điện

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
989			Tổng cộng	41.578.502	
	340	341	Tiền lương (nguồn 13)	595.046	
		341	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	339.456	
		341	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	144.000	
	280	338	Kinh phí trợ giá điện (nguồn 12)	40.500.000	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 41.578.502 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Bốn mươi một tỷ, năm trăm bảy mươi tám triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU KIÊN HẢI

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp

CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

(1). Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Công an đặc khu

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
009			Tổng cộng	400.000	
	040	041	Kinh phí hoạt động (nguồn 12)	400.000	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 400.000 ngàn đồng
Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Bốn trăm triệu đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp



CHỦ TỊCH

Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

(1). Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Ban chỉ huy Quân sự

(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
810	010		Tổng cộng	5.966.909	
		011	Tiền lương (nguồn 13)	302.637	
		011	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	172.645	
		011	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	108.000	
		011	Kinh phí hoạt động (nguồn 12)	520.000	
		011	Phụ cấp Dân quân tự vệ (Nguồn 13)	265.627	Bao gồm PCCH+ PC KN+PCĐT
		011	Tiền ăn và trợ cấp lực lượng dân quân thường trực (Nguồn 13)	4.598.000	Gồm 36 người, 264 ngày/ năm. Bao gồm tiền ăn + trực và BHXH

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 5.966.909 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Năm tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp

CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

(1). Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường THCS An Sơn

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Tổng cộng	5.966.557	
		073	Tiền lương (nguồn 13)	2.872.869	
		073	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	1.638.885	
		073	Tiền lương biên chế thiếu (nguồn 13)	745.971	
		073	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	86.458	
		073	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	476.683	
		073	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	131.724	
		073	Chi bồi dưỡng giáo viên thể dục (nguồn 12)	13.966	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 5.966.557 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Năm tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

BỘ PHẬN KÊ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp



CHỦ TỊCH

Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

- Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học An Sơn

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Tổng cộng	7.393.319	
		072	Tiền lương (nguồn 13)	4.012.165	
		072	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	2.288.819	
		072	Tiền lương biên chế thiếu (nguồn 13)	186.492	
		072	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	109.737	
		072	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	645.909	
		072	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	123.984	
		072	Chi bồi dưỡng giáo viên thể dục (nguồn 12)	26.214	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 7.393.319 ngàn đồng
Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Bảy tỷ ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm mười chín ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp

CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

- Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Quốc Toản

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	12.746.868	
		072	Tiền lương (nguồn 13)	6.919.041	
		072	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	3.947.104	
		072	Tiền lương biên chế thiếu (nguồn 13)	93.244	
		072	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	250.502	
		072	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	1.315.886	
		072	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	178.416	
		072	Chi bồi dưỡng giáo viên thể dục (nguồn 12)	42.674	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 12.746.868 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Mười hai tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU *ph*

CHỦ TỊCH

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

- (1) Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- (2) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- (3) Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học Hòn Tre

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Trường Tiểu học Hòn Tre	7.288.950	
		072	Tiền lương (nguồn 13)	3.966.785	
		072	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	2.262.931	
		072	Tiền lương biên chế thiếu (nguồn 13)	186.492	
		072	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	159.101	
		072	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	583.754	
		072	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	107.730	
		072	Chi bồi dưỡng giáo viên thể dục (nguồn 12)	22.156	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 7.288.950 ngàn đồng
Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Bảy tỷ hai trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp

Ghi chú

- Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD



Châu Hùng Kỳ

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Sao Mai

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Tổng cộng	4.894.677	
		071	Tiền lương (nguồn 13)	2.489.647	
		071	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	1.420.268	
		071	Tiền tăng biên chế thiếu (nguồn 13)	372.977	
		071	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	86.458	
		071	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	413.097	
		071	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	112.230	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 4.894.677 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Bốn tỷ tám trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng.

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

- Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non An Sơn

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Tổng cộng	3.366.059	
		071	Tiền lương (nguồn 13)	1.512.684	
		071	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	862.940	
		071	Tiền lương biên chế thiếu (nguồn 13)	559.483	
		071	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	78.708	
		071	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	283.862	
		071	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	68.382	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 3.366.059 ngân đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Ba tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU

CHỦ TỊCH

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Đặng Ngọc Diệp

Ghi chú

- Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD



Châu Hùng Kỳ

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Hòn Tre

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

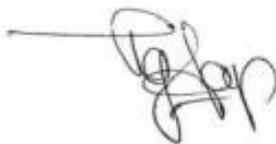
Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Tổng cộng	4.127.251	
		071	Tiền lương (nguồn 13)	2.182.254	
		071	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	1.244.910	
		071	Tiền lương biên chế thiếu (nguồn 13)	186.488	
		071	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	86.458	
		071	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	355.627	
		071	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	71.514	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 4.127.251 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Bốn tỷ một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi một ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Đặng Ngọc Diệp

TM. UBND ĐẶC KHU KIÊN HẢI



CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

- Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học & THCS Nam Du

(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
822	070		Tổng công	11.551.959	
		073	Tiền lương (nguồn 13)	5.575.681	
		073	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	3.180.758	
		073	Tiền lương biên chế thiếu (nguồn 13)	1.585.187	
		073	Hợp đồng Nghị định 111 (nguồn 13)	78.708	
		073	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	853.561	
		073	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí năm 2025-2026 (nguồn 12)	242.784	
		073	Chi bồi dưỡng giáo viên thể dục (nguồn 12)	35.280	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 11.551.959 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Mười một tỷ, năm trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi chín ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU 

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Đặng Ngọc Diệp

CHỦ TỊCH



Châu Hùng Kỳ

Ghi chú

- Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đối với học phí - cấp bù học phí (nếu có), đơn vị dành ra 40% kể cả nguồn cấp bù miễn giảm học phí để làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
- Tiền lương hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP thực hiện từ nguồn kinh phí của SNGD

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng HĐND-UBND

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND đặc khu Kiên Hải)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
			VĂN PHÒNG HĐND - UBND	16.831.045	
830	340		Văn phòng UBND - HĐND	9.294.845	-
		341	Tiền lương (nguồn 13)	3.078.489	
		341	Tiền lương chênh lệch (nguồn 13, mã DP 014)	1.756.185	
		341	Tiền lương Nghị định 111/2022/NĐ-CP (nguồn 13)	588.971	
		341	Sinh hoạt phí HĐND + PC kiêm nhiệm (nguồn 13)	579.000	
		341	Sinh hoạt phí HĐND + PC kiêm nhiệm (nguồn 13, mã DP 014)	331.000	
		341	Kinh phí hoạt động (nguồn 13)	792.000	
		341	Kinh phí hoạt động TT.UBND (Nguồn 12)	700.000	Đặc thù
		341	Kinh phí hoạt động TT.HĐND (Nguồn 12)	200.000	Đặc thù
		341	Kinh phí không tự chủ (NQ 18) (nguồn 12)	650.000	Đặc thù
		341	Tuyên truyền pháp luật (nguồn 12)	19.200	chi khác

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
		341	Kinh phí hoạt động trang Web từ nguồn chi khác (nguồn 12)	100.000	
		341	Chi tổ hòa giải cơ sở (nguồn 12)	31.200	chi khác
		341	Hỗ trợ Tổ NDTQ (116*2000ngan/lô/năm) (nguồn 12)	92.800	chi khác
		341	Hỗ trợ các tổ địa bàn (nguồn 12)	266.000	chi khác
		341	Kinh phí tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo từ nguồn chi khác (Nguồn đặc thù) (nguồn 12)	10.000	Đặc thù
	100	121	Chi nhiệm vụ KHCN và chuyển đổi số (nguồn 12)	100.000	chi khác
		2	Chi hoạt động không chuyên trách	7.536.200	
830	340	341	Cán bộ không chuyên trách xã (con người) (nguồn 13)	558.000	
		341	Cán bộ không chuyên trách xã (con người) (nguồn 13, mã DP 014)	318.000	
		341	Cán bộ không chuyên trách ấp (Con người)(nguồn 13)	2.680.000	
		341	Cán bộ không chuyên trách ấp (nguồn 13, mã DP 014)	1.529.000	
		341	Phụ cấp áp đội trưởng (Nguồn 13)	421.000	2,7tr/tháng/người
		341	Chi lực lượng ANTT cơ sở (nguồn 13)	1.173.200	
		341	Hỗ trợ có bằng cấp chuyên môn (Nguồn 13)	197.000	

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
		341	Chi BHXH tự nguyện (Nguồn 13)	218.000	
		341	Hoạt động áp (Nguồn 13)	312.000	
		341	Hoạt động chi hội thuộc các tổ chức chính trị theo NQ 10/2024/NQ-HDND (5 chi hội áp) (Nguồn 13)	130.000	2tr/hội/áp/năm

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 16.831.045 ngàn đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Mười sáu tỷ tám trăm ba mươi một triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng

Kiên Hải ngày, ngày 25 tháng 12 năm 2025

TM. UBND ĐẶC KHU
CHỦ TỊCH

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Đặng Ngọc Diệp




Châu Hùng Kỳ

* Ghi chú:

(1). Dự toán năm 2026 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội